

THỨ NGÀY	BUỔI	16DNT1 (33SV)	16DNT2 (24SV)	16DNTCNC (29SV)	16DBVTV (22SV)	16DCN (08SV)
HAI 23/02	SÁNG	THKT cơ sở ngành - 4t P7 - T. Vũ	THKT chuyên ngành - 3t P11 - C. H Vân			THKT cơ sở ngành - 4t P16 - T. Sĩ
	CHIỀU		THKT chuyên ngành - 4t P7 - T. Lý	THKT cơ sở ngành - 4t PA5 - CS2 - C. Bé	TT. PP giám định bệnh cây - 5t Đi đồng xã Vĩnh Thanh - C. Phương	THKT cơ sở ngành - 4t P16 - T. Sĩ
BA 24/02	SÁNG		THKT cơ sở ngành - 4t P7 - C. Bé	THKT cơ sở ngành - 4t P8 - T. Vũ	Phương pháp giám định bệnh cây - 4t P10 - C. Phương	THKT chuyên ngành - 4t P16 - T. Sĩ
	CHIỀU	THKT chuyên ngành - 4t P8 - C. H Vân		THKT chuyên ngành - 4t P7 - T. Lý	TT. PP giám định bệnh cây - 5t PTN.VS - C. Phương	THKT cơ sở ngành - 3t P16 - T. Sĩ
TƯ 25/02	SÁNG	THKT cơ sở ngành - 4t P7 - C. Bé	THKT cơ sở ngành - 4t P10 - T. Vũ	THKT chuyên ngành - 3t P8 - C. H Vân		THKT chuyên ngành - 4t P16 - T. Thư
	CHIỀU	THKT chuyên ngành - 4t P7 - T. Lý			TT. PP giám định bệnh cây - 5t PTN.VS - C. Phương	THKT chuyên ngành - 4t P16 - C. Định
NĂM 26/02	SÁNG			THKT chuyên ngành - 3t PC8 - CS2 - C. H Vân		
	CHIỀU	THKT chuyên ngành - 4t P8 - C. H Vân	THKT cơ sở ngành - 3t P10 - T. Vũ	THKT chuyên ngành - 4t P7 - T. Lý		THKT chuyên ngành - 4t P16 - C. Định
SÁU 27/02	SÁNG	THKT cơ sở ngành - 3t GD3 - CS2 - T. Vũ	THKT chuyên ngành - 3t PC8 - CS2 - C. H Vân	THKT cơ sở ngành - 4t P20 - C. Bé		THKT chuyên ngành - 3t P16 - T. Thư
	CHIỀU	THKT cơ sở ngành - 4t P8 - C. Bé	THKT chuyên ngành - 4t P7 - T. Lý	THKT cơ sở ngành - 4t GD3 - CS2 - T. Vũ	TT. PP giám định bệnh cây - 5t PTN.VS - C. Phương	
BẢY 28/02	SÁNG	THKT chuyên ngành - 4t P7 - T. Lý	THKT cơ sở ngành - 4t P8 - C. Bé	THKT cơ sở ngành - 4t P10 - T. Vũ		THKT chuyên ngành - 4t PA5 - CS2 - T. Thư
	CHIỀU					

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THỨ NGÀY	BUỔI	17DNTTS1 (26SV)	17DNTTS2 (33SV)	17DNTCNC (20SV)	17DBVTV (04SV)	17DBVMTTS (04SV)	17DCNTY (10SV)
HAI 23/02	SÁNG	Tiếng anh chuyên ngành NTTS - 4t P9 - C. M Phương				Luật và chính sách môi trường - 4t P8 - T. Huy	Vệ sinh môi trường chăn nuôi - 4t P17 - T. Thư
	CHIỀU				Dự tính và dự báo dịch hại cây trồng - 4t P17 - T. Bo	Ô nhiễm môi trường - 4t P10 - T. Nam	
BA 24/02	SÁNG	Kỹ năng mềm - 4t PA4 - CS2 - C. Phước			Côn trùng chuyên khoa - 4t P9 - C. Thắm		PP.BTTN&XLSSL-4t P17 - T. Bo
	CHIỀU				Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu - 4t P10 - T. Huy		
TƯ 25/02	SÁNG	Tiếng anh chuyên ngành NTTS - 4t P9 - C. M Phương			Bệnh cây chuyên khoa - 4t P17 - C. Phương	KT xử lý nước thải - 4t P11 - T. Huy	
	CHIỀU			KT SXG và nuôi cá nước ngọt - 4t P17 - C. H Vân		Quản lý tài nguyên đất ngập mặn - 4t P8 - C. Huyền	Nội khoa - 4t P9 - T. Mạnh
NĂM 26/02	SÁNG		Kỹ năng mềm - 4t P10 - T. Quang		CNSH trong BVTV - 4t PA4 - CS2 - C. Chúc	Quản lý chất lượng môi trường - 4t P8 - C. Hạnh	Chẩn đoán TY - 4t P17 - T. Thư
	CHIỀU			Luật thủy sản - 4t PA4 - CS2 - C. Diễm		Ô nhiễm MT - 4t P9 - T. Nam	
SÁU 27/02	SÁNG		Tiếng anh chuyên ngành NTTS - 4t GD4 - CS2 - C. Nhâm	Di truyền và chọn giống thủy sản - 4t P10 - C. Xiếu		QLCL nước trong môi trường NTTS - 4t P11 - T. Huy Ghép với 18DKHMT	PP.BTTN&XLSSL-4t P17 - T. Bo
	CHIỀU				Côn trùng chuyên khoa - 4t P17 - C. Thắm	Tiếng anh chuyên ngành KHMT - 4t P9 - T. Khánh	Bệnh Truyền nhiễm thú y - 4t P10 - C. Định
BẢY 28/02	SÁNG	KT nuôi thức ăn tự nhiên - 4t P12 - T. Toàn		Nuôi tôm CNC - 4t P11 - T. Nguyên			Nội khoa - 4t P9 - T. Mạnh
	CHIỀU		KT nuôi thức ăn tự nhiên - 4t P12 - T. Toàn	Nuôi tôm CNC - 4t P11 - T. Nguyên			TT.Ngoại khoa Phòng mạch Thú y Mạnh Hằng Pet T. Mạnh

THỨ NGÀY	BUỔI	18DNTTS (29SV)	18DNTCNC (27SV)	18DBVTV (10SV)	18DKHMT (04SV)	18DCNTY (13SV)
HAI 23/02	SÁNG			Bệnh cây đại cương - 4t P10 - C. Phương		
	CHIỀU				PP bố trí thí nghiệm và XLSL - 4t P12 - C. Huyền	
BA 24/02	SÁNG				Vi sinh vật môi trường - 4t P12 - C. Hạnh	
	CHIỀU	QLCL nước trong NTTS -4t PA5 - CS2 - C. B. Vân				Miễn dịch học - 4t P17 - T. Thư
TƯ 25/02	SÁNG			XD, thâm định và quản trị dự án - 3t P12 - T. Tuấn		
	CHIỀU		Dịch tễ học và quản lý dịch bệnh tổng hợp - 4t P10 - C. M. Phương	Hệ sinh thái nông nghiệp - 4t P12 - C. Hạnh	Sinh vật chỉ thị MT - 4t P11 - T. Nam	
NĂM 26/02	SÁNG					Phương pháp NCKH - 4t P7 - C. Kiều
	CHIỀU			Côn trùng đại cương - 4t P17 - C. Thắm		
SÁU 27/02	SÁNG			Bệnh cây đại cương - 4t P7 - C. Phương	QLCL nước trong môi trường NTTS - 4t P11 - T. Huy Ghép với 17DBVMTTS	
	CHIỀU	Thực vật thủy sinh - 4t GD4 - CS2 - C. Nhâm			Phân tích hóa lý đất - 4t P11 - C. Huyền	
BẢY 28/02	SÁNG	Dịch tễ học và quản lý dịch bệnh tổng hợp - 4t P16 - C. M. Phương	Thực vật thủy sinh - 4t P17 - C. Nhâm			
	CHIỀU	TT. HCM - 4t GD7 - CS2 - C. Phúc				
CN 01/03	SÁNG					
	CHIỀU					

THỨ NGÀY	BUỔI	19DNTTS1 (37SV)	19DNTTS2 (36SV)	19DNTCNC (37SV)	19DKHMT (12SV)	19DBVTV (22SV)	19DCNTY (22SV)
HAI 23/02	SÁNG	Tiếng Anh CB 2 - 4t PA5 - CS2 - C. Út	Sinh hóa đại cương - 4t PA4 - CS2 - C. Phước			Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải	
	CHIỀU	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải	Tiếng Anh CB 2 - 4t PA4 - CS2 - C. Ý Ghép với 19DKHMT	Vi sinh vật đại cương - 4t P9 - C. Hạnh	Tiếng Anh CB 2 - 4t PA4 - CS2 - C. Ý Ghép với 19DNTTS2	Vi sinh vật đại cương - 4t P11 - C. Hằng	Kinh tế học ĐC - 3t P8 - T. Tuấn
BA 24/02	SÁNG	Kinh tế chính trị Mác-Lenin - 3t GD7 - CS2 - C. K Cương		Vật lý ĐC - 4t PA5 - CS2 - T. Khởi	Sinh thái học môi trường - 4t P11 - T. Nam	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải	
	CHIỀU	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải	Hóa học đại cương - 3t PA4 - CS2 - T. Bé Ghép với 19DKHMT	Sinh hóa ĐC - 4t P9 - C. Ngà	Hóa học đại cương - 3t PA4 - CS2 - T. Bé Ghép với 19DNTTS2	Vi sinh vật đại cương - 4t P11 - C. Hằng	Di truyền học động vật - 4t P12 - C. Hương
TƯ 25/02	SÁNG	Sinh hóa đại cương - 4t PA5 - CS2 - C. Phước	Ngư nghiệp ĐC - 4t PA4 - CS2 - C. B Vân	Kinh tế chính trị Mác-Lenin - 3t GD 7 - CS2 - C. K Cương			
	CHIỀU		Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải Ghép với 19DKHMT	Tiếng Anh CB 2 - 4t PA5 - CS2 - T. Trung	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải Ghép với 19DNTTS2	Hóa học đại cương - 3t PA4 - CS2 - T. Bé	
NĂM 26/02	SÁNG	Hóa học đại cương - 4t PA5 - CS2 - C. Thảo	Vi sinh vật đại cương - 4t P9 - C. Xuân	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải	Bảo tồn đa dạng sinh học - 4t P11 - T. Huy	Sinh hóa ĐC - 4t P16 - C. Ngà	Vi sinh chăn nuôi-thú y - 4t P12 - C. Hương
	CHIỀU	Kinh tế học ĐC - 3t P11 - T. Tuấn	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải Ghép với 19DKHMT	Ngư nghiệp ĐC - 4t PA4 - CS2 - C. B Vân	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải Ghép với 19DNTTS2	Tiếng Anh CB 2 - 4t P12 - C. Hạnh	
SÁU 27/02	SÁNG	Vi sinh vật đại cương - 4t P9 - C. Xuân	Hóa học đại cương - 3t PA4 - CS2 - T. Bé ghép 19DKHMT	Hóa học đại cương - 4t P12 - C. Thảo	Hóa học đại cương - 3t PA4 - CS2 - T. Bé ghép 19DNTTS2	Xác suất thống kê - 4t PA5 - CS2 - T. Linh	
	CHIỀU	Ngư nghiệp ĐC - 4t PA5 - CS2 - C. B Vân	Kinh tế học ĐC - 3t P12 - T. Tuấn Ghép với 19DKHMT	Điền kinh & Bơi lội - 4t T. Khải	Kinh tế học ĐC - 3t P12 - T. Tuấn Ghép với 19DNTTS2	Sinh học phân tử - 4t P16 - C. Tiểu	Cơ thể học động vật - 4t PA4 - CS2 T. Thư
BẢY 28/02	SÁNG					Hóa học đại cương - 3t PA4 - CS2 - T. Bé	
	CHIỀU						

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Mail
I. Khoa Nông nghiệp và Thủy sản			
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	0909.094.195	ntkxuan@blu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Tuấn	0915.886.877	nvtuan@blu.edu.vn
1. Bộ môn Nuôi trồng thủy sản			
3	Lê Hoàng Vũ	0907.005.004	lhvu@blu.edu.vn
4	Trần Thị Bích Như	0913.141.344	ttbnhu@blu.edu.vn
5	Dương Hải Toàn	0988.233.588	dhtoan@blu.edu.vn
6	Lâm Tâm Nguyên	0913.762.720	ltnguyen@blu.edu.vn
7	Trần Thị Linh Nhâm	0973.911.777	ttltnham@blu.edu.vn
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	0989.596.697	nthvan@blu.edu.vn
9	Lê Mỹ Phương	0948.734.070	lmphuong@blu.edu.vn
10	Nguyễn Thị Bích Vân	0917.845.748	ntbván@blu.edu.vn
11	Tiêu Ngọc Xiểu	0919.557.710	tnxieú@blu.edu.vn
12	Lê Thị Ngọc Ngà	0943.083.525	ltnga@blu.edu.vn
13	Trần Thị Bé	0975.255.244	ttbe@blu.edu.vn
2. Bộ môn Khoa học cây trồng và Phát triển nông thôn			
14	Dương Thị Bích Huyền	0794.934.344	dtbhuyen@blu.edu.vn
15	Phạm Thị Thắm	0988.978.357	pttham@blu.edu.vn
16	Mai Như Phương	0982.402.876	mnphuong@blu.edu.vn
17	Trần Ngọc Hạnh	0904.760.956	tnhanh@blu.edu.vn
18	Lâm Quốc Huy	0916.568.680	lqhuy@blu.edu.vn
19	Phạm Giang Nam	0918.450.076	pgnam@blu.edu.vn
20	Nguyễn Thị Thúy Hằng	0817.300.048	ntthang@blu.edu.vn
21	Nguyễn Văn Bo	0842.101.183	nvbo@blu.edu.vn

3. Bộ môn Chăn nuôi Thú y			
22	Trần Hồng Định	0985.155.894	thdinh@blu.edu.vn
23	Nguyễn Tiến Sĩ	0907.900.435	ntsi@blu.edu.vn
24	Nguyễn Thanh Thu	0919.464.580	ntthu@blu.edu.vn
25	Mai Thị Ngọc Hương	0944.853.161	mtnhuong@blu.edu.vn
II. Mời giảng			
1. Ban Giám hiệu			
26	Tiền Hải Lý	0908 281 287	thly@blu.edu.vn
2. Các phòng ban			
27	Nguyễn Thị Kiều	0939.752.474	ntkieu@blu.edu.vn
28	Ngô Đức Khánh	0848.337.994	ndkhanh@blu.edu.vn
29	Trần Văn Quang	0836.847.972	tvquang@blu.edu.vn
3. Khoa Sư phạm			
30	Trần Văn Bé	0939.166.111	tvbe@blu.edu.vn
31	Diệp Thị Hồng Phước	0913.989.693	dthphuoc@blu.edu.vn
32	Ngũ Hữu Khái	0907.404383	nhkhai@blu.edu.vn
33	Nguyễn Thị Chúc	0944.711.754	ntchuc@blu.edu.vn
34	Trịnh Khánh Linh	0366.750.780	tklinh@blu.edu.vn
35	Huỳnh Lâm Thị Ngọc Thảo	0943.160.115	hltnthao@blu.edu.vn
36	Nguyễn Văn Khởi	0396.640.226	nvkhoi@blu.edu.vn
4. Khoa Khoa học xã hội			
37	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn
38	Trương Thị Kiều	0944.878.527	ttkieu@blu.edu.vn
39	Trần Tam Phương	0913.806.429	ttphuong@blu
40	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn
41	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn
42	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn
43	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn

44	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn
	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn
	Nguyễn Tuyết Hạnh	0986.164.098	
5. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ			
47	Hoàng Ngọc Hiền	0943.008.175	hnhien@blu.edu.vn
6. Khoa Kinh tế và Luật			
48	Lê Thị Thêm	0947.746.002	ltthem@blu.edu.vn
	La Thùy Diễm	0967.077.778	ltdiem@blu.edu.vn